TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 748/2024/DS-ST
Ngày: 22-8-2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Mai Lan

Ông Trần Quốc Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân QUẬN X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân QUẬN X tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân QUẬN X, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 501/2023/DSST ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 333/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 314/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng SGTT

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266 – 268 đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T.Đ.T– sinh năm 1984 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Giấy ủy quyền số 1592/2023/UQ-TGĐ ngày 31/5/2023 (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông N.H.L, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 637/39/11/14 đường Q, Phường M, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông T.Đ.Ttrình bày:

Ngân hàng SGTT (sau đây viết tắt là Ngân hàng) cho ông N.H.L vay tiền theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/11/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng

thẻ tín dụng của Ngân hàng SGTT – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 209.849.756 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông L phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 180.000.000 đồng, và từ đó cho đến nay ông L không tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Ngày 23/10/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tính đến ngày 22/8/2024 là 34.683.156 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Nay Ngân hàng yêu cầu ông L phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/8/2024 là 97.806.356 đồng, trong đó: nợ gốc 34.683.156 đồng, lãi quá hạn 63.123.200 đồng;

Và ông L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ bị đơn ông N.H.L đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng SGTT, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo xác minh ngày 16/10/2023 của Công an Phường M, QUẬN X, Thành phố Hồ Chí Minh "ông N.H.L, sinh năm 1987 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 637/39/11/14 đường Q, Phường M, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng đã bán nhà đi khỏi địa phương. Hiện nay đang cư ngụ tại 3034/1 đường Phạm Thế Hiển, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh"; theo xác minh ngày 13/11/2023 "Tại địa chỉ 3034/1 đường Phạm Thế Hiển, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh không có ai tên N.H.L, sinh năm 1987 đăng ký thường trú hay tạm trú, không thực tế cư trú. Do đó xác định bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại QUẬN X, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân QUẬN X, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Đại diện nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nợ gốc:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/11/2019; Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng SGTT mà ông N.H.L ký với Ngân hàng SGTT về việc sử dụng thẻ tín dụng, cho thấy việc

giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông L với hạn mức 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông L đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng, kể từ đó cho đến nay, ông L không thanh toán cho ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào. Ông L đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc ông L phải trả số tiền nợ gốc là 34.683.156 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ lãi:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "… Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tính đến ngày xét xử (22/8/2024) là 63.123.200 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh tiếp tục tính đến khi thanh toán xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả 1.932.283 đồng, tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP Thương tín là 4.890.318 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 ;

- Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Căn cứ Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông N.H.L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng SGTT số tiền nợ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa ông N.H.L và Ngân hàng SGTT (gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/11/2019 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) số tiền là 97.806.356 đồng (Chín mươi bảy triệu tám trăm lẻ sáu nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng), tính đến ngày 22/8/2024. Trong đó, nợ gốc là 34.683.156 đồng và lãi quá hạn 63.123.200 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông N.H.L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.890.318 đồng (Bốn triệu tám trăm chín mươi nghìn ba trăm mười tám đồng).

Hoàn lại 1.932.283 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi hai nghìn hai trăm tám mươi ba đồng) tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu số AA/2023/0012460 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN X.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND QUẬN X;
- Chi cục THADS QUẬN X;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh Trang